| HỘI KINH TẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| Số: 66 /QĐ-VACE | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

*Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân**

## BAN THƯỜNG VỤ HỘI KINH TẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

*Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-BNV ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam;*

*Căn cứ kết quả sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đã được Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam tổ chức trong thời gian qua;*

*Xét đề nghị của Tổng Thư ký Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II và hạng III cho 74 cá nhân đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực Định giá xây dựng và Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc các lĩnh vực: dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, giao thông, phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

*(có danh sách kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Hội Kinh tế xây dựng và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: VP Hội, Hu3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**
**CHỦ TỊCH**

HỘI KINH TẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

**Trần Hồng Mai**

**Danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

*(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-VACE ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam)*

| Số TT | Số chứng chỉ | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ TCC | Lĩnh vực cấp | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | KTE-00107424 | Tạ Huy Cường | 01/06/1987 | 001087015703 | Định giá xây dựng | III |
| 2 | KTE-00045111 | Nguyễn Kỳ Nha | 03/04/1982 | 036082024953 | Định giá xây dựng | II |
| 3 | KTE-00181789 | Dương Thị Hoa | 16/06/1993 | 001193042452 | Định giá xây dựng | III |
| 4 | KTE-00125905 | Phạm Văn Hải | 22/06/1983 | 031083008248 | Định giá xây dựng | II |
| 5 | KTE-00179657 | Trần Minh Quang | 09/09/1986 | 040086029927 | Định giá xây dựng | III |
| 6 | KTE-00104486 | Đào Vĩnh Quý | 17/03/1983 | 001083003626 | Định giá xây dựng | III |
| 7 | KTE-00179721 | Trần Minh Quân | 07/06/1987 | 036087000128 | Định giá xây dựng | III |
| 8 | KTE-00181790 | Trần Văn Dũng | 21/11/1987 | 035087009250 | Định giá xây dựng | III |
| 9 | KTE-00179436 | Lê Nguyễn Thiện Thành | 24/01/1977 | 048077001220 | Định giá xây dựng | III |
| 10 | KTE-00181791 | Vũ Quốc Huy | 28/12/1987 | 030087004826 | Định giá xây dựng | II |
| 11 | KTE-00181792 | Nguyễn Thị Liễu | 10/08/1988 | 024188000360 | Định giá xây dựng | II |
| 12 | KTE-00091333 | Võ Kiên Trung | 28/03/1982 | 092082015717 | Định giá xây dựng | III |
| 13 | KTE-00033841 | Phạm Kim Bảng | 03/12/1979 | 036079022928 | Định giá xây dựng | II |
| 14 | KTE-00179846 | Lê Văn Đức | 07/09/1990 | 038090003750 | Định giá xây dựng | III |
| 15 | KTE-00181793 | Lê Đức Đông | 21/01/1985 | 034085011242 | Định giá xây dựng | III |
| 16 | KTE-00179792 | Lê Đình Khải | 19/05/1988 | 027088000226 | Định giá xây dựng | III |
| 17 | KTE-00156448 | Phạm Đình Chiến | 05/12/1982 | 017082000678 | Định giá xây dựng | III |
| 18 | KTE-00135660 | Lê Phùng Duy Hải | 06/05/1995 | 008095010637 | Định giá xây dựng | III |
| 19 | KTE-00181794 | Lê Văn Xuân | 10/05/1970 | 038070013064 | Định giá xây dựng | III |
| 20 | KTE-00094252 | Phạm Văn Hoàng | 14/03/1991 | 079091016861 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 21 | KTE-00181795 | Trương Thị Hồng Thu | 21/10/1983 | 001183049078 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 22 | KTE-00156492 | Lê Minh Hồng | 10/05/1975 | 001075002991 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 23 | KTE-00045022 | Lê Minh Thuận | 29/11/1991 | 077091003122 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông | II |
| 24 | KTE-00181796 | Nguyễn Thị Ngọc Thu | 20/02/1995 | 051195002999 | Định giá xây dựng | III |
| 25 | KTE-00087680 | Nguyễn Trung Dũng | 29/10/1982 | 019082004751 | Định giá xây dựng | III |
| 26 | KTE-00007932 | Nguyễn Văn Cư | 01/10/1977 | 049077021528 | Định giá xây dựng | II |
| 27 | KTE-00179467 | Vũ Bá Phượng | 07/07/1994 | 031094016499 | Định giá xây dựng | III |
| 28 | KTE-00181797 | Bùi Quang Huỳnh | 01/07/1995 | 001095039617 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 29 | KTE-00181798 | Huỳnh Hữu Lợi | 03/05/1992 | 083092010806 | Định giá xây dựng | III |
| 30 | KTE-00181799 | Nguyễn Văn Tuấn | 29/12/0998 | 036098014063 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 31 | KTE-00167853 | Trần Nhật Kha | 16/12/1982 | 052082011809 | Định giá xây dựng | III |
| 32 | KTE-00181800 | Trương Thị Thùy Linh | 12/10/1984 | 040184000474 | Định giá xây dựng | II |
| 33 | KTE-00181801 | Lê Viết Trung | 16/09/1986 | 040086016281 | Định giá xây dựng | III |

| Số TT | Số chứng chỉ | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ TCC | Lĩnh vực cấp | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | KTE-00161298 | Huỳnh Tấn Đạt | 25/04/1984 | 086084000049 | Định giá xây dựng | II |
| 35 | KTE-00115242 | Huỳnh Trung Quân | 26/10/1981 | 300992498 | Định giá xây dựng | III |
| 36 | KTE-00181802 | Hồ Quỳnh Mai | 31/10/1987 | 001187015769 | Định giá xây dựng | III |
| 37 | KTE-00039347 | Lê Xuân Quang | 17/10/1982 | 030082004210 | Định giá xây dựng | II |
| 38 | KTE-00159845 | Nguyễn Thùy Linh | 14/07/1988 | 001188051454 | Định giá xây dựng | II |
| 39 | KTE-00181803 | Nguyễn Ngọc Thông | 20/10/1978 | 034078002860 | Định giá xây dựng | II |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 40 | KTE-00181804 | Nguyễn Thanh Huyền | 22/04/1981 | 001181046250 | Định giá xây dựng | II |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 41 | KTE-00181805 | Đoàn Viết Hào | 15/10/1991 | 042091017782 | Định giá xây dựng | III |
| 42 | KTE-00049709 | Lưu Văn Thành | 12/12/1985 | 001085035453 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 43 | KTE-00039697 | Lê Hữu Phúc | 10/06/1960 | 051060002323 | Định giá xây dựng | II |
| 44 | KTE-00179763 | Phạm Thanh Bình | 13/10/1979 | 031079011393 | Định giá xây dựng | II |
| 45 | KTE-00034807 | Nguyễn Quang Hưng | 06/09/1984 | 024084000634 | Định giá xây dựng | III |
| 46 | KTE-00171336 | Nguyễn Văn Hùng | 26/03/1973 | 035073004130 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 47 | KTE-00179327 | Phan Đình Đức | 13/10/1992 | 040092023696 | Định giá xây dựng | III |
| 48 | KTE-00175143 | Lê Đình Huy | 08/07/1981 | 056081006388 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 49 | KTE-00181806 | Nguyễn Thị An | 31/05/1991 | 001191049824 | Định giá xây dựng | II |
| 50 | KTE-00179706 | Bạch Tiến | 17/07/1993 | 045093010311 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 51 | KTE-00179874 | Đào Việt Hoàn | 28/09/1979 | 001079010540 | Định giá xây dựng | III |
| 52 | KTE-00022682 | Nguyễn Thành Duy | 20/05/1982 | 033082002355 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 53 | KTE-00144173 | Trương Ngọc Linh | 04/12/1992 | 060092008230 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | III |
| 54 | KTE-00181807 | Nguyễn Thị Ngọc Chiên | 22/07/1997 | 026197001558 | Định giá xây dựng | III |
| 55 | KTE-00063643 | Nguyễn Quang Thiện | 20/09/1985 | 001085023519 | Định giá xây dựng | III |
| 56 | KTE-00181808 | Nguyễn Thị Phương Tri | 20/08/1989 | 001189026516 | Định giá xây dựng | III |
| 57 | KTE-00181809 | Phạm Đăng Tuấn | 15/05/1983 | 077083003084 | Định giá xây dựng | III |
| 58 | KTE-00179687 | Phạm Văn Tùng | 05/10/1990 | 038090041596 | Định giá xây dựng | III |
| 59 | KTE-00181810 | Vũ Văn Tường | 16/08/1978 | 034078009759 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 60 | KTE-00181811 | Đỗ Vinh Quang | 26/03/1988 | 017088005435 | Định giá xây dựng | III |
| 61 | KTE-00158276 | Vũ Thị Thùy Dung | 02/05/1992 | 033192013127 | Định giá xây dựng | II |
| 62 | KTE-00181812 | Trần Tiến Dũng | 24/08/1962 | 042062007661 | Định giá xây dựng | III |
| 63 | KTE-00181813 | Nguyễn Kiên | 03/05/1991 | 034091003044 | Định giá xây dựng | III |
| 64 | KTE-00181814 | Trần Văn Thịnh | 06/01/1969 | 001069022285 | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 65 | KTE-00113197 | Nguyễn Đức Liên | 25/01/1970 | 010070000075 | Định giá xây dựng | III |

| Số TT | Số chứng chỉ | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/ TCC | Lĩnh vực cấp | Hạng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 66 | KTE-00181815 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 31/07/1987 | 034187001978 | Định giá xây dựng | III |
| 67 | KTE-00137473 | Lê Hải Long | 18/01/1982 | 001082041135 | Định giá xây dựng | III |
| 68 | KTE-00181816 | Hoàng Quốc Ngự | 28/07/4984 | 027084011293 | Định giá xây dựng | II |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| 69 | KTE-00181817 | Đào Văn Tuất | 25/07/1982 | 034082001685 | Định giá xây dựng | III |
| 70 | KTE-00160338 | Lê Văn Hùng | 30/08/1980 | 035080002280 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật | II |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông | III |
| 71 | KTE-00023382 | Trần Văn Khái | 28/08/1977 | 035077003314 | Định giá xây dựng | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông | III |
| | | | | | Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn | II |
| 72 | KTE-00181818 | Đỗ Đình Nam | 30/03/1992 | 038092028664 | Định giá xây dựng | III |
| 73 | KTE-00181819 | Trần Thị Thúy | 21/09/1992 | 034192015069 | Định giá xây dựng | III |
| 74 | KTE-00181820 | Tô Hồng Quân | 20/10/1976 | 034076022011 | Định giá xây dựng | III |

*(Danh sách này có 74 người)*